1. Khi NHTW bán trái phiếu chính phủ cho các NHTM thì lượng vốn sẵn sàng cho vay của các NHTM tăng lên
1.Sai.khi NHTW bán trái phiếu cho NHTM làm khoản tiền dự trữ của NHTM chuyển thành CK dẫn tới cho vay giảm xuống
2. Thay đổi ko dự tính trong mức giá dẫn tới sự tái phân phối lại thu nhập thực tế
2. Đúng. thay đổi không dự tính trong mức giá làm lãi suất trở nên méo mó. khi giá cả tăng lên làm người đi vay có lợi hơn, giá cả giảm xuống làm người cho vay có lợi hơn.
3. lãi suất thực là lãi suất ghi trên các hợp đồng kinh tế
3.Sai. lãi suất danh nghĩa là lãi suất được ghi trên các hợp đồng kinh tế, lãi suất thực là lại suất danh nghĩa đã bỏ qua lạm phát
4.Trong hoạt động của NHTM , nội dung quản lý quan trọng nhất là quản lý các món cho vay
4 Sai. trong hoạt động NHTM thì 3 nội dung quản lý quan trọng hàng đầu là: đảm bảo tính thanh khoản, tránh vỡ nợ, giảm thiểu chi phí quản lý nguồn vốn
5.Công ty bảo hiểm thực hiện huy động vốn bằng cách nhận tiền gửi và phát hành các giấy tờ có giá
5. Sai.công ty bảo hiểm huy động vốn bằng cách thu chi phí bảo hiểm từ việc bán hợp đồng bảo hiểm.
6. Lãi suất thực là lãi suất tiền gửi của ngân hàng thương mại sau khi đã loại bỏ đi yếu tố lạm phát.
6.Sai Lãi suất thực là lãi suất danh nghĩa(được ghi trên các hợp đồng kinh tế, trên ti vi v.v.) sau khi loại bỏ lạm phát.
7. lãi suất thực là lãi suất hoàn vốn
7.Sai(giải thích tương tự).
8. NHTW mở tài khoản cho DN nhà nước và kho bạc nhà nước
8 Sai. NHTW chỉ mở tài khoản cho kho bạc nhà nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
9. chính sách chiết khấu là công cụ quan trọng nhất của chính sách tiền tệ do nó có thể ngăn chặn đc sự sụp đổ hàng loạt của các NHTM
9.Sai.chiết khấu không phải là công cụ quan trọng nhất của chính sách tiền tệ vì NHTM ko nhất thiết phải vay vốn từ NHTW.
10.Chứng chỉ tiền gửi là công cụ tài chính có độ an toàn cao nhất do nó đc các ngân hàng thương mại phát hành
10.Sai. công cụ tài chính an toàn nhất là tín phiếu kho bạc, vì tín phiếu kho bạc được đảm bảo chi trả và có thời hạn ngắn do đó tí bị biến động, nên là công cụ an toàn nhất
2. 1. Một trong những mục tiêu của chính sách tiền tệ là đạt được tình trạng toàn dụng nhân công trong nền kinh tế.
1. Đúng, mục tiêu t2 của cs tiền tệ.
2. Dự trữ bắt buộc nhằm mục đảm bảo tính thanh khoản hàng ngày cho ngân hàng.
2. Sai, dự trữ vượt mức mới tạo tính thanh khoản.
3. lãi suất thực là lãi suất chiết khấu
3. Sai, lãi suất thực là lãi suất danh nghĩa đã loại bỏ yếu tố lạm phát, còn lãi suất ck là lãi suất cho vay của ngân hàng trung ương vs ngân hàng thương mại.
4. cơ sở để phân biệt giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn là loại ngoại tệ được giao dịch trên mỗi thị trương
4. Sai, phải là thời hạn của các công cụ tài chính dk giao dịch trên thị trường.
5. tín phiếu kho bạc nhà nước là công cụ quan trọng nhất trên thị trường vốn
5. Sai, trên thị trường tiền tệ.
6. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn được phân loại dựa theo bản chất của các hàng hóa đc mua bán trên thị trường.
6, Sai, phân chia theo thời hạn của công cụ.
7. khối lượng cung tiền và dự trữ trong NHTM tỉ lệ nghịch với nhau
7, Sai. Có mối liên hệ nhưng ko phải liên hệ nghịch, khi dự trữ thay đổi thì cung tiền chắc chắn thay đổi nhưng khi cung tiền thay đổi thì dự trữ có thể giữ nguyên, tăng lên hoặc giảm.
8. Cổ phiếu là công cụ được mua bán nhiều nhất trên thị trường tiền tệ
8, Sai, trên thị trường vốn.
9.Thị trường tài chính ảnh hưởng gián tiếp đến nền kinh tế
9, Sai, ảnh hưởng trực tiếp.
10. Trích lợi nhuận của doanh nghiệp không phải là nguồn vốn chủ yếu vì doanh nghiệp không được chủ động với nguồn này.
10, Đúng, tùy vào tình hình kình doanh của dn
3. 1.lượng tiền cung ứng giảm khi các NHTM tăng vay chiết khấu từ NHTW
1, Sai, lượng tiền cung ứng tăng căn cứ vào tài khoản chữ T.
2. lượng tiền cung ứng tăng khi NHTW tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc
2, Sai, lượng tiền cung ứng giảm do ngân hàng buộc phải dự trữ nhiều hơn.
3. phát hành cổ phiếu,không làm thay đổi vốn chủ sở hữu của dn
3, Sai, phát hành cổ phiếu chính là hình thức huy động vốn góp làm tăng vốn chủ sỏ hữu.
4.quản lý vốn cho vay là hoạt động quan trọng nhất của NHTM.
4, Sai, quản lý tính thanh khoản ms là quan trọng nhất.
5.Cty bán cổ phiếu làm tăng vốn của chủ sở hữu
5, Sai. Cty bán cổ phiếu ( thị trường cấp 2 ) ko làm tăng vốn chủ sở hữu
6. Ngân quỹ là các tài sản có tính thanh khoản cao nhất trong bảng cân đối kế toán của NHTM
6, Đúng, ngân quỹ chính là tiền dự trữ.
7.Chỉ các công ty lớn, thiết lập 1 cách vững chắc mới tới đc các TTCK để tài trợ cho hoạt động của họ
7, Sai, bất cứ doanh nghiệp nao cug co the tgia vao ttck
8. Lãi thu được từ trái phiếu luôn được biết trước và là 1 khoản cố định
8, Đúng, vì nó có lãi suất ghi trên trái phiếu.
9. Thâm hụt NSNN làm giảm nguy cơ về lạm phát
9, Sai, thâm hụt làm tăng lạm phát.
10. Cổ phiếu là công cụ tài chính được mua bán nhiều nhất trên thị trường tiền tệ
10, Sai trên thị trường vốn
4. 1. hoạt động phát hành cổ phiếu lần đầu tiên ra công chúng của DN chỉ đc diễn ra trên TT sơ cấp
1. Đúng. thị trường sơ cấp là nơi mua bán các cổ phiếu phát hành hoặc phát hành lần đầu còn thị trường thứ cấp là nơi mua bán các cổ phiếu đã phát hành.
2. Cung ứng tiền tệ giảm khi NHTM tăng vay chiết khấu từ NHTW
2. Sai.khi các NHTM tăng vay chiết khấu từ NHTW làm cho cơ sở tiền tệ tăng lên=>lượng tiền cung ứng tăng.
3. Chứng từ kí gửi là công cụ an toàn nhất do NHTM phát hành
3. sai. kí gửi có thể hiểu là bán giùm hàng hóa --> tính thanh khoản của hàng hóa có thể không được đảm bảo
4. Phát hành tín phiếu kho bạc là biện pháp tốt nhất để xử lý bội chi của ngân sách NN
4. Sai.phát hành tín phiếu kho bạc nếu để vay trong nước có thể gây áp lực lạm phát sau này, nếu để vay nước ngoài sẽ dẫn tời áp lực trả các khoản nợ có xu hướng tăng do lạm phát. biện pháp tốt nhất để xử lý bội chi ngân sách là quản lý và điều hành NS 1 cách hiệu quả( thu và chi).
5. Khi ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ trên thị trường mở, cơ số tiền tệ ko thay đổi.
5. Sai. khi NHTW mua trái phiếu chính phủ sẽ làm cho lượng tiền mặt đang lưu hành với tiền dự trữ của các NHTM giảm do đó làm tăng cơ số tiền tệ
6.Giả định các yếu tô khác không đổi, lượng tiền cung ứng (MS) sẽ tăng lên khi người dân ồ ạt mua CP của các DN trên TT
6. Sai. khi người dân mua cổ phiếu của các DN chỉ làm chuyển giao thu nhập giữa các cá nhân chứ ko làm thay đổi MS
7.tỷ lệ dự trữ bắt buộc do NHTW quy định đc tính trên tổng nguồn vốn của các NHTM
7. Sai. tỉ lệ dự trữ bắt buộc được NHTW quy định được tính trên tổng số tiền gửi vào NHTM
8. trong mô hình tạo tiền giản đơn thì lượng tiền cung ứng tỷ lệ nghịch với lượng tiền dự trữ của NHTM
8. Sai. lượng tiền cung ứng giảm có thể là do NHTW bán tín phiếu kho bạc chứ ko nhất thiết là lượng tiền dự trữ bắt buộc tăng lên.hơn nữa lượng tiền dự trữ=dự trữ bắt buộc+dự trữ thanh toán(ko làm thay đổi lượng cung tiền)
9. tín phiến kho bạc là công cụ an toàn nhất vì nó do ngân hàng trung ương phát hành
9.đúng.độ rủi ro thấp, tính thanh khoản cao
10. cơ sở để phân biệt thị trường tiền tệ và thị trg vốn là các loại ngoại tệ giao dịch trên thị trường.
10. Sai. cơ sở để phân biệt thị trường vốn và tiền tệ là kỳ hạn của các công cụ tài chính. thị trường vốn là nơi giao dịch các công cụ tài chính kỳ hạn trên 1 năm. thị trường tiền tệ là nơi giao dịch các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới 1 năm
5. 1. pháp định được phát hành khi có vàng và ngoại tệ đảm bảo.
1. sai. Tiền pháp định là tiền giấy được Nhà nước phát hành với nhiều chế độ tiền tệ khác nhau, trong đó có chế độ bản vị tiền giấy không chuyển đổi ra vàng

2. Giả định các yếu tố khác không đổi, các giao dịch thanh toán băng tiền mặt tăng sẽ khiến hệ số nhân tiền cũng tăng theo
2. sai. Các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt tăng lên sẽ khiến cho số nhân tiền giảm xuống (dựa vào công thức số nhân tiền, do tỉ lệ tiền mặt/tiền gửi ở mẫu số tăng lên)
3. một trong những mục tiêu của chính sách tiền tệ là tăng dữ trữ ngoại hối cho quốc gia
3. Sai. Mục tiêu của chính sách tiền tệ là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng bản tệ, ko dẫn đến tăng dự trữ ngoại hối
4. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn được phân loại dựa theo bản chất của các hàng hóa đc mua bán trên thị trường.
4. sai. Dựa vào thời hạn của các công cụ được giao dịch
5. Tín phiếu kho bạc là công cụ quan trọng nhất trên thị trường vốn
5. sai. Tín phiếu kho bạc thuộc về thị trường tiền tệ
6.chính sách chiết khấu là công cụ quan trọng nhất của chính sách tiền tệ
6. sai. Nghiệp vụ thị trường mở là quan trọng nhất
7. chứng chỉ tiền gửi là công cụ quan trọng nhất trong thị trường tiền tệ
7. đúng (mặc dù tín phiếu kho bạc mới là lỏng nhất), trang 108 giáo trình có ghi CD là nguồn vốn đặc biệt quan trọng..."với tổng số dư gần đây vượt quá tổng số dư tín phiếu kho bạc" --> chứng tỏ CD còn được mua bán nhiều hơn tín phiếu kho bạc
8. đồng ngoại tệ tăng giá so với đồng nội tệ có thể là nguyên nhân dẫn đến lạm phát
8. đúng. Có 2 lí do: những người bán hàng trong nước có xu hướng tăng giá theo sự tăng của tỉ giá hối đoái. Nguyên vật liệu, nhiên liệu nhập khẩu tăng giá khiến cho chi phỉ sản xuất tăng
9. lãi suất tái chiết khấu cao dẫn đến lạm phát...
9. sai. Lãi suất tái chiết khấu cao làm cho các NHTM ít vay chiếu khấu từ NHTW hơn, tức là có ít tiền giấy được NHTW phát hành hơn,điều này trái ngược với nguyên nhân gây ra lạm phát
10. để có lợi nhuận NH thương mại vượt qua lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức
10. Sai. Để có lợi nhuận, NH thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ, sự lựa chọn đối nghịch và rủi ra đạo đức do thông tin không đối xứng gây ra và khó có thể loại bỏ được